TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮKLẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 8 - 2026
"V/v không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Khoa, bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 367/2026/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Bà L và ông Nguyễn Minh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn.

Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống

ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay thấy tình cảm giữa hai bên dành cho nhau không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho ông T và bà L.

Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung Nguyễn Minh T, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 14/01/2008. Hiện nay 02 con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày*:* Ông T đồng ý với ý kiến trình bày của bà L. Nay tình cảm hai ông bà dành cho nhau không còn, không thể chung sống cùng nhau nên ông T đồng ý Toà án giải quyết không công nhận vợ chồng cho ông T và bà L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung Nguyễn Minh Thành, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Thu Thảo, sinh ngày 14/01/2008. Hiện nay 02 con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Các đương sự đều chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng tại phiên toà.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

+ Quan hệ về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Minh T là vợ chồng.

+ Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng cho bà L và ông T. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28 BLTTDS, đây là yêu cầu "Không công nhận quan hệ vợ chồng". Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Cư

Prao, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.

Tại phiên toà hôm nay, bà Nguyễn Thị Kim L bà ông Nguyễn Minh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, có làm lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân của ông bà là không hợp pháp. Ông bà chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến ông bà sống đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và bị đơn ông Nguyễn Minh T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 02 con chung Nguyễn Minh Thành, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Thu Thảo, sinh ngày 14/01/2008. Hiện nay 02 con chung đã đủ 18 tuổi nên ông T và bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

- Quan hệ về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Minh T là vợ chồng.

- Về con chung: Các con chung Nguyễn Minh T, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 14/01/2008 đã đủ 18 tuổi. Ông T và bà L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về tà sản chung và nợ chung: Không có nên bà L và ông T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001179 ngày 28/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- UBND xã Cư Prao, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Cường Anh